Cơ quan: Ủy ban Nhân dân Quận 4
Email: q4@tphcm.gov.vn
Thời gian ký: 20.01.2022 16:32:06 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 172 /QĐ-UBND-TH	*Quận 4, ngày 12 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2022 của Quận 4

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 4181/QĐ-UBND-TH ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận 4 về giao chỉ tiêu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch theo Tờ trình số 44/TTr-TCKH ngày 10 tháng 01 năm 2022 về công khai dự toán ngân sách Quận 4 năm 2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 của Quận 4 *(Theo biểu đính kèm).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 4, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Tài chính Thành phố;
- TT.UBND Quận 4;
- VP Quận ủy Quận 4;
- Lưu: Vt.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Chiến

BÁO CÁO THUYẾT MINH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2022 CỦA QUẬN 4

(Kèm theo Quyết định số 172 /QĐ-UBND-TH ngày 12 tháng 01 năm 2022)

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 4181/QĐ-UBND-TH ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận 4 về giao chỉ tiêu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Ủy ban nhân dân Quận 4 thuyết minh dự toán ngân sách năm 2022 của Quận 4 như sau:

Từ ngày 30 tháng 6 năm 2021 trở về trước, Ủy ban nhân dân quận là một cấp ngân sách theo quy định tại Điều 6 Luật Ngân sách nhà nước.

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2021, thực hiện mô hình chính quyền đô thị theo quy định tại Nghị quyết số 131/2020/QH14 của Quốc hội, **Ủy ban nhân dân quận là đơn vị dự toán ngân sách** trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Do đó dự toán năm 2022, Ủy ban nhân dân Quận và Phường sẽ thực hiện theo đúng các nội dung do Sở Tài chính Thành phố giao

Tổng chi ngân sách địa phương: 631,335 tỷ đồng giảm 3,87% tương ứng giảm 25,405 tỷ đồng so với dự toán chi năm 2021 (656,74 tỷ đồng), cụ thể:

3.1. Sự nghiệp kinh tế: 79,525 tỷ đồng, tăng 13,03% tương ứng tăng 9,167 tỷ đồng so với dự toán năm 2021 (70,358 tỷ đồng): do tăng kinh phí quét, thu gom rác, bổ sung thêm nội dung kinh phí vận hành trạm trung chuyển và kinh phí tưới rửa đường bằng xe cơ giới

3.2. Sự nghiệp giáo dục – đào tạo: 232,897 tỷ đồng, giảm 10,82% tương ứng giảm 28,249 tỷ đồng so với dự toán năm 2021 (261,146 tỷ đồng), giảm kinh phí Nghị quyết 03 do giảm hệ số từ 1,2 xuống còn 0,6.

3.3. Sự nghiệp y tế: 45,807 tỷ đồng, giảm 82,47% tương ứng tăng 20,703 tỷ đồng so với dự toán năm 2021 (25,104 tỷ đồng) do tăng kinh phí cấp thẻ BHYT cho các đối tượng, bổ sung kinh phí điều hành hoạt động y tế và kinh phí phòng chống dịch Covid-19.

3.4. Sự nghiệp văn hóa thông tin: 4,510 tỷ đồng, giảm 17,35% tương ứng giảm 0,947 tỷ đồng so với dự toán năm 2021 (5,457 tỷ đồng), giảm kinh phí Nghị quyết 03 do giảm hệ số từ 1,2 xuống còn 0,6.

3.5. Sự nghiệp thể dục thể thao: 2,092 tỷ đồng, giảm 3,55% tương ứng giảm 0,077 tỷ đồng so với dự toán năm 2021 (2,169 tỷ đồng), giảm kinh phí Nghị quyết 03 do giảm hệ số từ 1,2 xuống còn 0,6.

3.6. Sự nghiệp xã hội: 68,982 tỷ đồng, tăng 17,29% tương ứng tăng 10,168 tỷ đồng so với dự toán năm 2021 (58,814 tỷ đồng) do tăng số lượng đối tượng trợ cấp hàng tháng.

3.7. Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: 166,953 tỷ đồng, giảm 4,62% tương ứng giảm 8,088 tỷ đồng so với dự toán năm 2021 (175,041 tỷ đồng), giảm kinh phí Nghị quyết 03 do giảm hệ số từ 1,2 xuống còn 0,6.

3.***8. Quốc phòng an ninh:*** 30,569 tỷ đồng, giảm 16,78% tương ứng giảm 6,164 tỷ đồng so với dự toán năm 2021 (36,733 tỷ đồng) giảm kinh phí Nghị quyết 03 do giảm hệ số từ 1,2 xuống còn 0,6.

Trên đây là thuyết minh công khai dự toán ngân sách năm 2022 của Quận 4.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 172 /QĐ-UBND-TH ngày 12/01/2022 của Ủy ban nhân dân Quận 4)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó						
				Văn phòng UBND	Phòng Tư pháp	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Phòng Nội vụ	Phòng Kinh tế
	TỔNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	**631.335**	**631.335**	**11.447**	**2.299**	**18.164**	**27.396**	**92.358**	**4.985**	**3.726**
1	***Chi quản lý hành chính***	***166.953***	***166.953***	***11.447***	***2.259***	***8.229***	***3.372***	***3.085***	***4.785***	***3.726***
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	89.697	89.697	5.994	1.373	1.746	2.549	2.180	2.380	1.547
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	77.256	77.256	5.453	886	6.483	823	905	2.405	2.179
2	***Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề***	***232.897***	***232.897***	***-***	***-***	***991***	***20.061***	***532***	***200***	***-***
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	161.364	161.364			700	11.859			
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	71.533	71.533			291	8.202	532	200	
3	***Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình***	***45.807***	***45.807***	***-***	***-***	***4.660***	***3.962***	***24.264***	***-***	***-***
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-							
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	45.807	45.807			4.660	3.962	24.264		
4	***Chi bảo đảm xã hội***	***68.982***	***68.982***	***-***	***-***	***3.069***	***-***	***64.477***	***-***	***-***
4.2	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-							
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	68.982	68.982			3.069		64.477		
5	***Chi hoạt động kinh tế***	***31.252***	***31.252***	***-***	***40***	***663***	***-***	***-***	***-***	***-***

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó						
				Văn phòng UBND	Phòng Tư pháp	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Phòng Nội vụ	Phòng Kinh tế
5.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-							
5.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	31.252	31.252		40	663				
6	***Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường***	***48.273***	***48.273***	-	-	-	-	-	-	-
6.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-							
6.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	48.273	48.273							
7	***Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin***	***4.510***	***4.510***	-	-	***100***	-	-	-	-
7.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.471	2.471							
7.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.039	2.039			100				
8	***Chi sự nghiệp thể dục, thể thao***	***2.092***	***2.092***	-	-	-	-	-	-	-
8.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-							
8.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.092	2.092							
9	***Chi Quốc phòng***	***22.310***	***22.310***	-	-	***201***	-	-	-	-
9.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.725	3.725							
9.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	18.585	18.585			201				
10	***Chi An ninh và trật tự an toàn xã hội***	***8.259***	***8.259***	-	-	***250***	-	-	-	-
10.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-							
10.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	8.259	8.259			250				
			631.335							

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Trong đó									
		Phòng Y tế	Phòng Quản lý đô thị	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Phòng Văn hóa và Thông tin	Thanh tra	UB. Mặt trận Tổ quốc Quận 4	Hội Liên hiệp Phụ Nữ Quận 4	Hội Cựu chiến binh Quận	Quận đoàn Quận 4	Hội Chữ thập đỏ Quận 4
	TỔNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	**15.236**	**6.961**	**10.997**	**1.781**	**1.689**	**3.151**	**2.434**	**1.384**	**2.615**	**716**
1	***Chi quản lý hành chính***	***1.825***	***6.961***	***3.092***	***1.781***	***1.689***	***3.151***	***2.404***	***1.384***	***2.585***	***716***
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.343	6.001	2.294	1.249	1.345	1.580	1.422	822	1.589	716
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	482	960	798	532	344	1.571	982	562	996	
2	***Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
3	***Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình***	***12.921***	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	12.921									
4	***Chi bảo đảm xã hội***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.2	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
5	***Chi hoạt động kinh tế***	-	-	***405***	-	-	-	***30***	-	***30***	-

STT	Nội dung	Trong đó									
		Phòng Y tế	Phòng Quản lý đô thị	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Phòng Văn hóa và Thông tin	Thanh tra	UB. Mặt trận Tổ quốc Quận 4	Hội Liên hiệp Phụ Nữ Quận 4	Hội Cựu chiến binh Quận	Quận đoàn Quận 4	Hội Chữ thập đỏ Quận 4
5.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
5.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			405				30		30	
6	***Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường***	-	-	***7.500***	-	-	-	-	-	-	-
6.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
6.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			7.500							
7	***Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
7.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
8	***Chi sự nghiệp thể dục, thể thao***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
8.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
9	***Chi Quốc phòng***	***490***	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
9.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	490									
10	***Chi An ninh và trật tự an toàn xã hội***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
10.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Trong đó									
		Hội Luật gia Quận 4	Mầm non 2	Mầm non 3	Mầm non 6	Mầm non 8	Mầm non 9	Mầm non 10	Mầm non 12	Mầm non 14	Mầm non 15
	TỔNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	**162**	**5.912**	**3.922**	**4.166**	**2.606**	**3.955**	**2.069**	**4.314**	**2.471**	**5.433**
1	***Chi quản lý hành chính***	***162***	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	162									
2	***Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề***	-	***5.912***	***3.922***	***4.166***	***2.606***	***3.955***	***2.069***	***4.314***	***2.471***	***5.433***
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		3.637	2.583	2.654	1.705	2.623	1.439	2.773	1.655	3.431
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		2.275	1.339	1.512	901	1.332	630	1.541	816	2.002
3	***Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
4	***Chi bảo đảm xã hội***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.2	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
5	***Chi hoạt động kinh tế***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Nội dung	Trong đó									
		Hội Luật gia Quận 4	Mầm non 2	Mầm non 3	Mầm non 6	Mầm non 8	Mầm non 9	Mầm non 10	Mầm non 12	Mầm non 14	Mầm non 15
5.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
5.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
6	***Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
6.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
7	***Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
7.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
8	***Chi sự nghiệp thể dục, thể thao***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
8.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
9	***Chi Quốc phòng***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
9.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
10	***Chi An ninh và trật tự an toàn xã hội***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
10.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Trong đó									
		Mầm non 18	Mầm non Ban Mai	Mầm non Sao Mai 12	Mầm non Sao Mai 13	Mầm non Nguyễn Tất Thành	Tiểu học Bạch Đằng	Tiểu học Bến Cảng	Tiểu học Đặng Trần Côn	Tiểu học Đoàn Thị Điểm	Tiểu học Đống Đa
	TỔNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	**2.284**	**6.759**	**6.381**	**6.450**	**6.969**	**6.306**	**4.867**	**6.760**	**6.860**	**4.207**
1	***Chi quản lý hành chính***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
2	***Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề***	***2.284***	***6.759***	***6.381***	***6.450***	***6.969***	***6.306***	***4.867***	***6.760***	***6.860***	***4.207***
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.511	4.559	4.072	4.046	4.437	4.720	3.565	5.150	5.110	2.963
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	773	2.200	2.309	2.404	2.532	1.586	1.301	1.610	1.750	1.244
3	***Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
4	***Chi bảo đảm xã hội***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.2	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
5	***Chi hoạt động kinh tế***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Nội dung	Trong đó									
		Mầm non 18	Mầm non Ban Mai	Mầm non Sao Mai 12	Mầm non Sao Mai 13	Mầm non Nguyễn Tất Thành	Tiểu học Bạch Đằng	Tiểu học Bến Cảng	Tiểu học Đặng Trần Côn	Tiểu học Đoàn Thị Điểm	Tiểu học Đống Đa
5.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
5.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
6	***Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
6.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
7	***Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
7.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
8	***Chi sự nghiệp thể dục, thể thao***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
8.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
9	***Chi Quốc phòng***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
9.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
10	***Chi An ninh và trật tự an toàn xã hội***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
10.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Trong đó									
		Tiểu học Nguyễn Thái Bình	Tiểu học Lý Nhơn	Tiểu học Nguyễn Huệ 1	Tiểu học Lê Thánh Tôn	Tiểu học Ng Trường Tộ	Tiểu học Ng Văn Trỗi	Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh	Tiểu học Vĩnh Hội	Tiểu học Xóm Chiếu	Trung học cơ sở Nguyễn Huệ
	TỔNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	**4.883**	**5.517**	**3.711**	**4.325**	**4.986**	**9.412**	**4.164**	**6.501**	**6.326**	**10.374**
1	***Chi quản lý hành chính***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
2	***Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề***	***4.883***	***5.517***	***3.711***	***4.325***	***4.986***	***9.412***	***4.164***	***6.501***	***6.326***	***10.374***
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.699	4.058	2.634	3.418	3.758	7.046	2.959	3.922	4.765	7.550
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.185	1.459	1.077	906	1.228	2.366	1.205	2.579	1.561	2.824
3	***Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
4	***Chi bảo đảm xã hội***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.2	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
5	***Chi hoạt động kinh tế***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Nội dung	Trong đó									
		Tiểu học Nguyễn Thái Bình	Tiểu học Lý Nhơn	Tiểu học Nguyễn Huệ 1	Tiểu học Lê Thánh Tôn	Tiểu học Ng Trường Tộ	Tiểu học Ng Văn Trỗi	Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh	Tiểu học Vĩnh Hội	Tiểu học Xóm Chiếu	Trung học cơ sở Nguyễn Huệ
5.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
5.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
6	***Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
6.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
7	***Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
7.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
8	***Chi sự nghiệp thể dục, thể thao***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
8.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
9	***Chi Quốc phòng***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
9.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
10	***Chi An ninh và trật tự an toàn xã hội***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
10.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Trong đó									
		Trung học cơ sở Quang Trung	Trung học cơ sở Vân Đồn	Trung học cơ sở Chi Lăng	Trung học cơ sở Tăng Bạt Hổ	Trung học cơ sở Khánh Hội	Chuyên biệt 1/6	Bồi dưỡng giáo dục	Trung Tâm giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên	Công an quận	Ban chỉ huy Quân sự Quận 4
	TỔNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	**9.683**	**9.521**	**10.866**	**11.059**	**9.042**	**2.397**	**1.831**	**3.822**	**3.272**	**4.432**
1	***Chi quản lý hành chính***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
2	***Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề***	***9.683***	***9.521***	***10.866***	***11.059***	***9.042***	***2.397***	***1.831***	***3.822***	-	-
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.969	6.944	7.675	8.050	6.607	1.765	1.497	2.856		
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.714	2.577	3.191	3.009	2.435	633	334	966		
3	***Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
4	***Chi bảo đảm xã hội***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.2	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
5	***Chi hoạt động kinh tế***	-	-	-	-	-	-	-	-	***194***	-

STT	Nội dung	Trong đó									
		Trung học cơ sở Quang Trung	Trung học cơ sở Vân Đồn	Trung học cơ sở Chi Lăng	Trung học cơ sở Tăng Bạt Hổ	Trung học cơ sở Khánh Hội	Chuyên biệt 1/6	Bồi dưỡng giáo dục	Trung Tâm giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên	Công an quận	Ban chỉ huy Quân sự Quận 4
5.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
5.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ									194	
6	***Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
6.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
7	***Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
7.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
8	***Chi sự nghiệp thể dục, thể thao***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
8.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
9	***Chi Quốc phòng***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	***4.432***
9.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
9.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										4.432
10	***Chi An ninh và trật tự an toàn xã hội***	-	-	-	-	-	-	-	-	***3.078***	-
10.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
10.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ									3.078	

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Trong đó									
		Ban QLDAĐ TXDKV Quận 4	Ban BTGPMB Quận 4	Trung tâm Văn hóa	Nhà Thiếu Nhi	Trung tâm Thể dục Thể thao	Phường 1	Phường 2	Phường 3	Phường 4	Phường 6
	TỔNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	**68.260**	**422**	**2.998**	**1.492**	**2.092**	**8.801**	**11.474**	**9.588**	**9.831**	**9.494**
1	***Chi quản lý hành chính***	-	-	-	-	-	***7.197***	***9.110***	***7.654***	***8.089***	***7.641***
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ						3.797	4.628	4.087	4.305	3.911
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ						3.400	4.482	3.567	3.784	3.730
2	***Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
3	***Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
4	***Chi bảo đảm xã hội***	-	-	-	-	-	***74***	***244***	***73***	***97***	***78***
4.2	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ						73,5	244,1	73	97	78,1
5	***Chi hoạt động kinh tế***	***27.487***	***422***	***80***	-	-	***96***	***184***	***112***	***136***	***137***

STT	Nội dung	Trong đó									
		Ban QLDAĐ TXDKV Quận 4	Ban BTGPMB Quận 4	Trung tâm Văn hóa	Nhà Thiếu Nhi	Trung tâm Thể dục Thể thao	Phường 1	Phường 2	Phường 3	Phường 4	Phường 6
5.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
5.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	27.487	422	80			96	184	112	136	137
6	***Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường***	***40.773***	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
6.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	40.773									
7	***Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin***	-	-	***2.918***	***1.492***	-	-	-	-	-	-
7.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			1.649	822						
7.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			1.269	670						
8	***Chi sự nghiệp thể dục, thể thao***	-	-	-	-	***2.092***	-	-	-	-	-
8.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
8.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					2.092					
9	***Chi Quốc phòng***	-	-	-	-	-	***1.121***	***1.366***	***1.246***	***1.273***	***1.417***
9.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ						227	332	318	324	218
9.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ						894	1.035	928	949	1.199
10	***Chi An ninh và trật tự an toàn xã hội***	-	-	-	-	-	***312***	***570***	***503***	***237***	***219***
10.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
10.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ						312	570	503	237	219

STT	Nội dung	Trong đó							
		Phường 8	Phường 9	Phường 10	Phường 13	Phường 14	Phường 15	Phường 16	Phường 18
	TỔNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	**10.010**	**9.287**	**8.888**	**12.343**	**9.864**	**9.817**	**10.652**	**9.706**
1	***Chi quản lý hành chính***	***8.173***	***7.503***	***7.336***	***9.686***	***8.156***	***8.043***	***8.067***	***7.643***
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.203	3.926	3.873	4.338	4.272	4.187	4.160	3.880
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.970	3.577	3.463	5.348	3.884	3.856	3.907	3.763
2	***Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề***	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ								
3	***Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình***	-	-	-	-	-	-	-	-
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ								
4	***Chi bảo đảm xã hội***	***93***	***115***	***62***	***270***	***86***	***86***	***95***	***64***
4.2	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	93,4	115	61,5	270	86	85,6	94,5	64,3
5	***Chi hoạt động kinh tế***	***175***	***96***	***128***	***279***	***188***	***124***	***162***	***86***

STT	Nội dung	Trong đó							
		Phường 8	Phường 9	Phường 10	Phường 13	Phường 14	Phường 15	Phường 16	Phường 18
5.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
5.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	175	96	128	279	188	124	162	86
6	***Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường***	-	-	-	-	-	-	-	-
6.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
6.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ								
7	***Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin***	-	-	-	-	-	-	-	-
7.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
7.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ								
8	***Chi sự nghiệp thể dục, thể thao***	-	-	-	-	-	-	-	-
8.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
8.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ								
9	***Chi Quốc phòng***	***1.246***	***1.096***	***1.149***	***1.658***	***1.241***	***1.286***	***1.610***	***1.477***
9.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	309	207	243	314	314	331	344	243
9.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	937	889	906	1.344	927	955	1.266	1.234
10	***Chi An ninh và trật tự an toàn xã hội***	***323***	***476***	***213***	***451***	***192***	***279***	***719***	***436***
10.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
10.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	323	476	213	451	192	279	719	436

-